

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
LIÊN SỞ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

CÔNG BỐ

**GIÁ VẬT LIỆU THÁNG 4 NĂM 2022 ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG
KHU VỰC TRUNG TÂM THÀNH PHỐ VÀ CÁC HUYỆN**
(Số 04/2022/CBLS-XD-TC ngày 10 tháng 5 năm 2022)

Bắc Ninh, tháng 5 năm 2022



Số: 04/2022/CBLS-XD-TC

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 5 năm 2022

CÔNG BỐ

Giá vật liệu xây dựng tháng 4 năm 2022 đến hiện trường xây dựng khu vực trung tâm thành phố và các huyện

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Sau khi khảo sát thị trường, thống nhất ý kiến của các thành viên Tổ công tác xây dựng Công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Liên sở Xây dựng - Tài chính công bố giá vật liệu xây dựng đến hiện trường khu vực trung tâm thành phố và các huyện tháng 4 năm 2022 để các chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

I. Nội dung công bố giá vật liệu xây dựng

1. Một số loại vật liệu chủ yếu (Chi tiết kèm theo phụ lục 1)

1.1. Cơ sở xác định giá vật liệu xây dựng

Giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại thời điểm; báo giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh, mức giá công bố đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình tại trung tâm các huyện và thành phố.

Giá VLXD tại trung tâm các huyện và thành phố Từ Sơn đã tính với bán kính 2km, trung tâm thành phố Bắc Ninh đã tính với bán kính 3km.

1.2. Nguyên tắc xác định trung tâm các huyện và thành phố

Thành phố Bắc Ninh: Ngã sáu giao đường Lý Thái Tổ và đường Trần Hưng Đạo (QL18) làm trung tâm.

Thành phố Từ Sơn: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Lý Thái Tổ làm trung tâm (cạnh Bưu điện Từ Sơn).

Huyện Tiên Du: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Nguyễn Đăng Đạo (Tỉnh lộ 270) làm trung tâm (cạnh Bưu điện Tiên Du).

Huyện Yên Phong: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 286 và Tỉnh lộ 295 làm trung tâm.

Huyện Quế Võ: Ngã tư giao đường QL18 và Tỉnh lộ 279 làm trung tâm (cạnh Bưu điện Quế Võ).

Huyện Thuận Thành: Ngã tư giao đường QL38 và QL17 làm trung tâm.

Huyện Gia Bình: Ngã tư giao đường QL17 và Tỉnh lộ 280 làm trung tâm.

Huyện Lương Tài: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 280, Tỉnh lộ 281 và Tỉnh lộ 284 làm trung tâm (cạnh Hồ nước).

2. Thông tin giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng

2.1. Bảng giá các doanh nghiệp (chi tiết kèm theo phụ lục 2)

Nhóm 1. Xi măng

1.1. Công ty TNHH TNC: Theo văn bản số 02/BG-TNC ngày 05/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

1.2. Công ty xây dựng Hoàng Hải (TNHH): Theo văn bản số 02.22/BG-HH ngày 10/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

Nhóm 2. Gạch nung, gạch không nung

2.1. Công ty xây dựng Đồng Nguyên (TNHH): Theo văn bản số 02/ĐK ngày 01/4/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

2.2. Công ty Quang Long (TNHH): Theo văn bản số 02/BG-QL ngày 01/4/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

2.3. Công ty Cổ phần sông cầu Hà Bắc: Theo văn bản số 02/SCHB ngày 31/3/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

2.4. Công ty TNHH sản xuất gạch bê tông Bắc Ninh: Theo văn bản số 0104/CV-BN ngày 01/4/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

2.5. Công ty Cổ phần gạch Đại Kim: Theo văn bản số 04/2022.SXD ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

2.6. Công ty TNHH bê tông cường độ cao: Theo văn bản số 02/2022/HSC-CBG ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

2.7. Công ty TNHH vật liệu xây dựng Hoàn Sơn: Theo văn bản số 01/2022-VXDHS ngày 02/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.8. Công ty TNHH vật liệu xây dựng không nung Thuận Thành: Theo văn bản số 01/KNTT ngày 01/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký

niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.9. Công ty thương mại và xây dựng Đức Việt (TNHH): Theo văn bản số 01/CV-DV ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.10. Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Bắc Ninh: Theo văn bản số 02.2022/BG ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

2.11. Công ty TNHH Đại Thịnh: Theo văn bản số 03/ĐT ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

2.12. Công ty TNHH xây dựng và sản xuất vật liệu Hải Bình: Theo văn bản số 01/2022/CV-HB ngày 10/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.13. Công ty Cổ phần VLXD Minh Đạo: Theo văn bản số 154/CV-MĐ ngày 21/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

Nhóm 3. Vật liệu ốp lát

3.1. Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng: Theo văn bản số 010422/CV-ĐG ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

3.2. Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera: Theo văn bản số 336/VIKD-DA ngày 18/4/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II-2022).

3.3. Công ty Cổ phần Catalan: Theo văn bản số 159/CV-CTL ngày 01/4/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

3.4. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Ý Gia: Theo văn bản số 02.22/YG ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

3.5. Công ty TNHH Thạch Bàn: Theo văn bản số 67/2022/CV-TBI/DA ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

Nhóm 4. Vật liệu lợp

4.1. Công ty Cổ phần Austnam: Theo văn bản số 02/2022/CV/KDNĐ ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

4.2. Công ty TNHH Libati: Theo văn bản số 042022/BG-LIBATI ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

4.3. Công ty Cổ phần thép Nam Kim: Theo văn bản số 512/2022/CV/KDND ngày 12/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

4.4. Công ty Cổ phần tôn mạ VNSTEEL Thăng Long: Theo văn bản số 014 ngày 01/4/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

Nhóm 5. Cửa các loại và trần nhà

5.1. Công ty TNHH Hải Hà VINA: Theo văn bản số 02/BG-HHVN ngày 10/4/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh.

5.2. Công ty TNHH đồ gỗ PLC: Theo văn bản số 03/BG-PLC ngày 28/4/2022 về việc đề nghị niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

5.3. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 01042022/VENZA-SXD ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

5.4. Công ty TNHH thiết bị Bảo Minh An: Theo văn bản số 397/CV ngày 08/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

5.5. Công ty Ngọc Hùng (TNHH): Theo văn bản số 02/CV-NH ngày 05/4/2022 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý II/2022.

5.6. Công ty Cổ phần tập đoàn Austdoor: Theo văn bản số 187/CV-ADG ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

5.7. Công ty TNHH sản xuất và xây dựng Trung Hiếu: Theo văn bản số 02.2022/BG-TH ngày 10/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

5.8. Công ty Cổ phần nhôm và cơ khí xây lắp Việt Pháp: Theo văn bản số 02-2022/TBG-FV ngày 05/4/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh.

5.9. Công ty Cổ phần Hùng Châm: Theo văn bản số 01/CV ngày 03/01/2022 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2022.

5.10. Công ty TNHH công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc Việt Nam: Theo văn bản số PS-04/2022 ngày 06/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

Nhóm 6. Sơn, bột bả các loại

6.1. Công ty Cổ phần công nghệ Tincom Quốc Tế: Theo văn bản số 22/TC-VP ngày 06/4/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

6.2. Công ty Cổ phần Sơn Jymec Việt Nam: Theo văn bản số 0222/JM-SXDBN ngày 05/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

6.3. Công ty Cổ phần tập đoàn Sơn công nghệ cao Nano Delux: Theo văn bản số 01.2022/TBG-BN ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.4. Công ty Cổ phần Sơn Newcolor Việt Nam: Theo văn bản số 012022/TB-NCL ngày 10/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.5. Công ty Cổ phần Sơn Pantone Việt Nam: Theo văn bản số 60422/CV-PT ngày 06/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

6.6. Công ty TNHH liên doanh Sơn Pretty: Theo văn bản số 12/2022-SPT ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

6.7. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 02042022/VENRA-SXD ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

6.8. Công ty Cổ phần thương mại sản xuất quốc tế NANOZTO: Theo văn bản số 042022/TB-NCL ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

6.9. Công ty TNHH Sơn Ronspec: Theo văn bản số 052022/RONSPEC ngày 01/4/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh (Quý II/2022).

6.10. Công ty Cổ phần Sơn Nano Shield Việt Nam: Theo văn bản số 02/BG-NANO SHIELD ngày 05/4/2022 về việc đề nghị đăng giá Sơn Nano Shield trên Công bố giá liên Sở Xây dựng-Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

6.11. Công ty Cổ phần tập đoàn Thành Thắng: Theo văn bản số 170/BG-TĐTT ngày 28/4/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

6.12. Công ty TNHH Hải Quân: Theo văn bản số 04.2022/TB-HQ ngày 10/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

6.13. Công ty Cổ phần đầu tư Kolor Paint Việt Nam: Theo văn bản số 02/2022 ngày 01/4/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

6.14. Công ty TNHH sản xuất và thương mại Nisfor Vina: Theo văn bản số 02/CV-CBG ngày 10/01/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.15. Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ sơn Apex Việt Nam: Theo văn bản số 001/CV-APEX ngày 01/01/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh (Quý I/2022).

6.16. Công ty Cổ phần ST Quốc Tế: Theo văn bản số 01.2022/BG-STQT ngày 05/01/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.17. Công ty Cổ phần công nghệ cao Minh Anh: Theo văn bản số 02-2022/MA ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

6.18. Công ty Cổ phần liên danh Lebeus Group: Theo văn bản số 28/2022 ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

6.19. Công ty Cổ phần Tenno Group: Theo văn bản số 01/2022 ngày 05/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022.

6.20. Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thế Gia: Theo văn bản số 0304/2022 ngày 26/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

Nhóm 7. Dây, cáp, thiết bị điện và phụ kiện

7.1. Công ty Cổ phần cơ điện Trần Phú: Theo văn bản số 21/TP-NYVL ngày 04/4/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

7.2. Công ty Cổ phần Fusieletric: Theo văn bản số 02/2022 FS-BN ngày 10/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

7.3. Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam: Theo văn bản số 11/SXD-SLI ngày 05/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

7.4. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng: Theo văn bản số 06/SXD-PT ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

7.5. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Phát: Theo văn bản số 0104/CV/2022 ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

7.6. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phương Đông: Theo văn bản số 0804/PĐ ngày 08/04/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

7.7. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Gia: Theo văn bản số 88/2022 ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

7.8. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Thiên Long: Theo văn bản số 34LS/2022 ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

7.9. Công ty Cổ phần Winco Việt Nam: Theo văn bản số 02/WINCO-CV ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

7.10. Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc: Theo văn bản số 220412/MB ngày 12/4/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

7.11. Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh Nhật Quang: Theo văn bản số 104/NQ/2022 ngày 05/4/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý II/2022.

7.12. Công ty Cổ phần Đông Giang: Theo văn bản số 121/2022-CVĐG ngày 12/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

7.13. Công ty Cổ phần tập đoàn Hanaka: Theo văn bản số 104/2022/CV-HNK-KD ngày 15/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

7.14. Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Thượng Đình: Theo văn bản số 014/CADI-SUN ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

7.15. Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam: Theo văn bản số 630/CV-KDĐT ngày 11/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

Nhóm 8. Phòng cháy, chữa cháy

8.1. Công ty TNHH nghiên cứu và phát triển công nghệ Firesmart: Theo văn bản số 0201/2022/CV/FS-SXD ngày 02/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

8.2. Công ty Cổ phần PCCC thăng long Bắc Ninh: Theo văn bản số Q2/2022/TLBN ngày 10/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

8.3. Công ty Cổ phần phát triển thương mại và xây lắp Bình Minh: Theo văn bản số 0401/CVBM ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

Nhóm 9. Ống nước, thiết bị vệ sinh và phụ kiện

9.1. Công ty Cổ phần nhựa thiếu niên Tiên Phong: Theo văn bản số 04/NTP-PTTT1 ngày 14/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

9.2. Công ty Cổ phần ASIA Kinh Bắc: Theo văn bản số 02/BG-ASIA ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

9.3. Công ty TNHH thiết bị và vật tư ngành nước Hà Nội: Theo văn bản số 02/NHN ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

9.4. Công ty Cổ phần An Đạt Phát Sài Gòn: Theo văn bản số 134/2022/CV-ADPSG ngày 13/4/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

9.5. Công ty Cổ phần Santo: Theo văn bản số 01/CV-ST ngày 22/4/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

Nhóm 10. Cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm

10.1. Công ty TNHH Đất Việt: Theo văn bản số 02/2022 ngày 01/4/2022 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

10.2. Công ty TNHH xây dựng Đại An: Theo văn bản số 01/04/2022/CV-ĐA ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

10.3. Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng Trường Sơn: Theo văn bản số 02/2022/TS ngày 15/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

10.4. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Phạm Đình: Theo văn bản số 02/2022-PD ngày 05/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý II/2022.

10.5. Công ty Cổ phần AVIA: Theo văn bản số 05/2022 ngày 01/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

10.6. Công ty Cổ phần xây dựng Vũ Hùng: Theo văn bản số 02/2022-VH ngày 01/4/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý II/2022.

Nhóm 11. Vật liệu và cấu kiện khác

2.2. Một số lưu ý khi sử dụng thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng.

a) Về thông tin giá:

Giá các loại vật tư, vật liệu công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp để chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

b) Yêu cầu đối với các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh niêm yết, công bố:

Thực hiện đầy đủ các nội dung theo Hướng dẫn số 09/HD-SXD ngày 24/9/2021 của Sở Xây dựng Bắc Ninh về việc hướng dẫn đăng ký niêm yết giá vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu gửi liên Sở Xây dựng - Tài chính Bắc Ninh và mức giá mà đơn vị đã niêm yết, công bố; có trách nhiệm thông tin, công bố kịp thời khi thay đổi giá bán, chất lượng sản phẩm cho liên Sở.

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

c) Yêu cầu đối với các cơ quan, đơn vị tham khảo, áp dụng công bố:

Khi áp dụng giá vật tư, vật liệu trong thông tin giá này yêu cầu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cung cấp hồ sơ chất lượng và giá vật tư, vật liệu tại thời điểm đảm bảo phù hợp với mặt bằng thị trường, chống thất thoát, lãng phí, hoàn toàn chịu trách nhiệm về những sản phẩm, vật tư, vật liệu khi áp dụng.

Khuyến khích lựa chọn vật tư, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và có giá thành thấp.

II. Hướng dẫn tham khảo hoặc vận dụng giá vật liệu xây dựng trong công bố

Giá vật liệu xây dựng kèm theo công bố này là loại vật liệu phổ biến trong xây dựng công trình làm cơ sở tham khảo cho việc lập đơn giá xây dựng công trình. Giá những loại vật tư, vật liệu xây dựng có trong công bố tại khu vực thành phố Bắc Ninh mà các huyện, thành phố Từ Sơn không có thì có thể tham khảo ở thành phố Bắc Ninh.

Một số vật liệu không có trong công bố giá của liên Sở hoặc trường hợp giá vật tư, vật liệu xây dựng tại thời điểm lập dự toán, lập giá gói thầu có biến động (tăng hoặc giảm) so với giá công bố thì chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tự tổ chức khảo sát, xác định và quyết định giá vật liệu khi lập dự toán, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với yêu cầu của từng công trình đảm bảo theo quy định của pháp luật về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định pháp luật liên quan, đồng thời kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng và Sở Tài chính để cập nhật dữ liệu.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này để lập, thẩm tra, thẩm định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần căn cứ vào thời điểm, địa điểm công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế và quy định quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật tư, vật liệu hợp lý, xác định giá vật tư, vật liệu phù hợp với mặt bằng thị trường, đảm bảo mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí và hoàn toàn chịu trách nhiệm khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này.



Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng thông tin giá theo công bố này phải chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và thực hiện đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Các Sở ngành liên quan;
- UBND các huyện, TP Bắc Ninh, TP Từ Sơn;
- Giám đốc và các Phó giám đốc Sở XD, Sở TC;
- Công TTĐT Sở XD;
- Lưu: VT, KT&VLXD, QLGD.

SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Huân

SỞ XÂY DỰNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Đoàn

PHỤ LỤC 1
BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG
KHU VỰC THÀNH PHỐ BẮC NINH

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2022 - Mức giá chưa bao gồm VAT

(Kèm theo Công bố số 04/2022/CBLS-XD-TC ngày 10/5/2022 của Liên sở Xây dựng-Tài Chính)

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng		Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	1	Cát xây dựng			
1		Cát mịn (ML=0,7-1,4mm)	m ³	131.278	QCVN16: 2019/BXD
2		Cát mịn (ML=1,5-2mm)	m ³	141.278	
3		Cát vàng ML>2mm	m ³	381.278	
4		Cát san nền	m ³	106.278	
	2	Đá dăm xây dựng			
5		Đá dăm xanh 1 x 2 (đá chọn)	m ³	254.717	QCVN16: 2019/BXD
6		Đá dăm xanh 2 x 4 (đá chọn)	m ³	244.717	
7		Đá dăm xanh 4 x 6 (đá chọn)	m ³	234.717	
8		Đá dăm cấp phối loại I	m ³	194.717	
9		Đá dăm cấp phối loại II	m ³	184.717	
10		Đá dăm 0,5x1	m ³	194.717	
11		Đá mặt	m ³	166.278	
	3	Nhựa đường			
12		Nhựa đường Petrolimex 60/70 - Xá	kg	15.700	
13		Nhựa đường Petrolimex 60/70 - Phuy	kg	17.500	
14		Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CSS-1, CRS-1	kg	14.900	
	4	Xăng, dầu			
		<i>Từ ngày 01/4/2022</i>			
15		Xăng RON95-III	lít	25.591	
16		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	24.818	
17		Diezen 0,05S-II	lít	22.800	
18		Dầu hoả 2-k	lít	21.600	
19		Dầu mazut No2B (3S)	kg	19.109	
20		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	19.018	
		<i>Từ ngày 12/4/2022</i>			
21		Xăng RON95-III	lít	24.827	
22		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	24.064	
23		Diezen 0,05S-II	lít	22.164	
24		Dầu hoả 2-k	lít	20.927	

Chức vụ

25		Dầu mazut No2B (3S)	kg	19.109		
26		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	19.018		
		<i>Từ ngày 21/4/2022</i>				
27		Xăng RON95-III	lít	25.445		
28		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	24.664		
29		Diezen 0,05S-II	lít	23.045		
30		Dầu hoả 2-k	lít	21.655		
31		Dầu mazut No2B (3S)	kg	20.136		
32		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	19.818		
	5	Sắt, thép				
		<i>1 - Thép Thái Nguyên</i>				
		<i>Thép tròn cuộn, thép cây</i>				
		<i>Từ ngày 01/4/2022</i>				
33		Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CT3, CB240-T.	kg	19.262	QCVN07: 2019/BKHCN	
34		Thép tròn vằn D8 cuộn SD295A, CB300-V	kg	19.262		
35		Thép tròn vằn D9 cây L=11,7m SD295A, CB300-V	kg	19.562		
36		Thép tròn vằn D10 cuộn CT5, SD295A, CB300-V	kg	19.312		
37		Thép tròn vằn D10 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	19.462		
38		Thép tròn vằn D12 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	19.312		
39		Thép tròn vằn D14÷D40 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	19.262		
40		Thép vằn D10 cây CB400-V, CB500-V	kg	19.462		
41		Thép vằn D12 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	19.312		
42		Thép vằn D14÷D40 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	19.262		
		<i>Thép hình các loại</i>				
		<i>Từ ngày 01/4/2022</i>				
43		Thép góc L40 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	19.612		
44		Thép góc L50 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	19.412		
45		Thép góc L60 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	19.412		
46		Thép góc L63÷L65 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	19.362		



Handwritten signature

47	Thép góc L70÷L75 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	19.462	QCVN07: 2019/BKHCN
48	Thép góc L80÷L90 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	19.662	
49	Thép góc L100 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	19.762	
50	Thép góc L120÷L130 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	20.262	
51	Thép góc L150, SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	21.262	
52	Thép góc L80÷L90 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	20.362	
53	Thép góc L100 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	20.862	
54	Thép góc L120÷L130 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	20.862	
55	Thép góc L150 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	22.162	
56	Thép C8÷C10 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	19.362	
57	Thép C12 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	19.462	
58	Thép C14 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	19.662	
59	Thép C16 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	19.662	
60	Thép C18 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	19.812	
61	Thép I10 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	20.062	
62	Thép I12 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	20.012	
63	Thép I15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	20.462	
	2 - Thép Hòa Phát			
	<i>Từ ngày 01/4/2022</i>			
64	D6, D8 cuộn trơn CB240-T	kg	18.455	QCVN07: 2019/BKHCN
65	D8 cuộn gai CB300-V	kg	18.500	
66	D10 cây gai GR40	kg	15.993	
67	D12 cây gai CB300-V	kg	17.588	
68	D14 cây gai CB300-V	kg	17.659	
69	D16 cây gai GR40	kg	17.114	
70	D18 cây gai CB300-V	kg	17.677	
71	D20 cây gai B300-V	kg	17.711	
72	D22 cây gai CB300-V	kg	17.782	
	3 - Dây thép, đinh			

73		Dây thép đen các loại	kg	21.818	
74		Đinh các loại	kg	21.818	
		4 - Thép Việt Nhật (Cty CP luyện thép cao cấp Việt Nhật)			
		<i>Từ ngày 01/4/2022</i>			
75		D10 - CB300V	kg	19.630	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651- 2:2018
76		D12 - CB300V	kg	19.530	
77		D14 ~ D32 - CB300V	kg	19.430	
78		D10 - CB400V	kg	19.730	
79		D12 - CB400V	kg	19.630	
80		D14 ~ D32 - CB400V	kg	19.530	
81		D10 - CB500V	kg	19.730	
82		D12 - CB500V	kg	19.630	
83		D14 ~ D32 - CB500V	kg	19.530	

Handwritten signature

BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG KHU VỰC TRUNG TÂM CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TỪ SƠN

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2022 - Mức giá chưa bao gồm VAT
(Kèm theo Công bố số 04/2022/CBLS-XD-TC ngày 10/5/2022 của Liên sở Xây dựng-Tài Chính)

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thành phố Từ Sơn	Huyện Tiên Du	Huyện Yên Phong	Huyện Quế Võ	Huyện T. Thành	Huyện Gia Bình	Huyện Lương Tài
1	Cát (TCVN)									
1	Cát mịn cỡ hạt 0,7-1,4	m ³		130.640	131.044	137.814	125.694	121.568	125.727	127.365
2	Cát mịn cỡ hạt 1,5-2,0	m ³	QCVN16: 2019/BXD	140.640	141.044	147.814	135.694	131.568	135.727	137.365
3	Cát vàng ML>2	m ³		380.640	381.044	387.814	375.694	371.568	375.727	377.365
4	Cát san nền	m ³		105.640	106.044	107.814	95.694	96.568	100.727	102.365
2	Các loại Đá (TCVN)									
5	Đá dăm xanh (chọn) 1x2	m ³		255.570	256.192	264.004	247.649	247.427	247.691	251.726
6	Đá dăm xanh (chọn) 2x4	m ³		245.570	246.192	254.004	237.649	237.427	237.691	241.726
7	Đá dăm xanh (chọn) 4x6	m ³	QCVN16: 2019/BXD	235.570	236.192	244.004	227.649	227.427	227.691	231.726
8	Đá dăm cấp phối loại 1	m ³		195.570	196.192	199.004	182.649	182.427	187.691	191.726
9	Đá dăm cấp phối loại 2	m ³		185.570	186.192	189.004	172.649	172.427	177.691	181.726

(Handwritten signature)

